



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171: Y N

EXIT VISA.#: _____

* WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER *
* REGISTRATION FORM *
* (Two Copies) *

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM HUYNH XUAN KHOI
Last Middle First

Current Address 4133/7 Khóm 2 Hòa Thành Tây Ninh.

Date of Birth 1955 Place of Birth Tây Ninh.

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/
FATHER)

Huỳnh Xuân Côn.

Previous Occupation (before 1975) Capt.
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 06/75 To DEATH DATE: 12/19/76

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

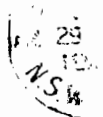
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



Co'cha chet



10 OCT 03 1988

TO: MRS. KMT TRUONG NGOC DUNG
PO BOX 5435
ARLINGTON
VA 22204 063
USA.

ĐẠO CÔNG TAM

AUSTRALIA .

BA

BB

* THƠ NÀY TỪ VIỆT NAM ^{AL}
GỬI SANG ÚC VÀ NHỮNG CHUYỆN .

Ủy Ban Quân Quân

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc Lập — Dân Chủ — Hòa Bình — Trung Lập

Số52...../CN

**GẤY CHỨNG NHẬN
ĐÃ HỌC TẬP CẢI TẠO**



Họ và tên thật HUYỄN H. X. AN KH. Đ.

Tên thường gọi

Ngày sinh 1955

Quê quán Xóm Tân An Tây Ninh

Chỗ ở hiện tại M. 125/17 Long Hòa

Xóm Tân An Tây Ninh

Số căn cước Cấp bậc Trung Sĩ

Chức vụ công khai Binh chủng Cảnh Sát

Chức vụ bí mật Đơn vị Huấn luyện Cảnh Sát

ĐÃ HỌC TẬP 150 NGÀY TẠI Trại B Tây Ninh



Nghón cái trái

NHÂN DẠNG : Cao 1m ~~64~~ Nặng ~~50~~ kg

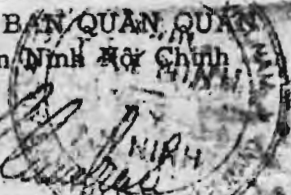
Dấu riêng ~~Đã được cấp~~



Nghón cái phải

FM. ỦY BAN QUẢN QUẢN

Ban An Ninh Nội Chính



Ước 6 - 1970 - 71110

CHÚ Ý : Khi về phải xuất trình giấy chứng nhận này cho địa phương.
Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật và chính quyền cách mạng.

Luôn luôn chịu sự giáo dục của chính quyền, nhân dân địa phương và tự học tập cải tạo để mau chóng trở thành người dân lương thiện.

Mất phải báo cáo ngay cho chính quyền và an ninh địa phương.

Cây-ninh ngày 16 tháng 9 năm 1988.

Hình Chúa Bà KMT Cường Bạo Dung.

Địch trước đây chủ. Cởi lời-vâng bèn thủ. Theo địa chủ của Bà "Chúa Bà! Kim phép Bà: Có phải Bà Nguyễn quán ở Đạc-khuê? Và chủ quán tại Bà Nguyễn?" Điều đúng như thế thì Cởi sẽ tính bày thêm chi tiết sau. Giờ Cởi xin thỉnh bày hoàn cảnh gia đình Cởi.

Cởi là: Nguyễn Xuân Khỏe, sinh năm 1955 ngụ tại M133/7 khóm II Hòa-Anh Cảnh Cây-Kinh. Là sinh viên Sĩ-Quan Cảnh-Sát khóa 10. Đã học cải-tạo xong. Hiện Cởi đang ký và làm hồ sơ xuất cảnh sang Hoa-Kỳ theo diện Sĩ-Quan học tập cải-tạo được tha.

* Nguyễn cha tôi là: Nguyễn Xuân Lân sinh năm 1928 số-quân: 28/238-199. Cấp bậc: Đại-vý trưởng của Tiểu-Đoàn Cường 350/Đp Cây-ninh đã học tập cải tạo và bị chết tại Cường Cải-tạo Cảnh Lớn Tây-Ninh.

Hoàn cảnh gia đình năm ăn sinh sống rất khó khăn. Cởi lập gia đình và có hai con phải phụ giúp mẹ già và các em. Hoàn cảnh chính trị của gia đình Cởi cũng rất khó khăn.

Ông Bà xem xét và tâm tình giúp đỡ cho gia đình Cởi được định cư tại Hoa-Kỳ.

"Chúa Bà được hạnh-phúc trên bầu trời phụng sự nhân đạo của Bà."

Cởi xin kèm hồ sơ và 02 tấm ảnh mà cha Cởi và gia đình chụp chung với người bạn Hoa-Kỳ.

Ảnh I: Chụp tại Tòa Thành Tây-ninh.

Cởi trái sang phải: người mặc đồ Đông-Tây lính Cha Cởi, kẻ tả Cha Tôi và người Bạo-Hoa-Kỳ. Sau cùng là lính Cha Tôi.

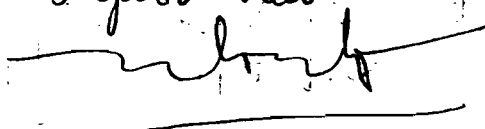
Ảnh II. Chụp gia đình. Trên từ trái sang phải
Đại-nội Fên. Cha Tở. người mặc Áo Trắng
chết. Dưới Tở đứng giữa cha và Fên.
2 hai Trai và 1 em gái đứng kế Bên.

Ảnh III. Chụp rõ Cha Tở và Fên người
ban Hoa-ký.

Người Bm Hoa-ký Tên Fên Đại-nội
Số đơn I Khổng Quân Hoa-ký đóng tại
Sơn Đá Tây mình những năm 1968-1970
(Chỉ Bm đóng Bảo Tm hộ chum, để ông
ấy giúp đỡ gia đình Tở)

Ông Bm là Cường Kye Dung nguyên
quan tại Bạc Liêu và Trai quan tại Bạc
Lieu thì tôi sẽ gửi hình Bm chụp ảnh
cầm cây đu nhắt có đứng không!
Mong Bm hồi âm cho tôi gấp

Người viết



Chị em Anh Tở
và con Phở Tở

Thư gửi xuân 1972

TO: NATIONAL OFFICE DIRECTOR
MIGRATION AND REFUGEE SERVICE
1312 MASS AVENUE N.W
WASHINGTON D.C 20005
202/659-6625. TELEX 710820-1164
ATTIMES U.S.A

SUBJECT: REQUEST FOR THE US ADMISSION VISA APPROVAL
AS THE ODP ESTABLISHMENT

, DATE: AUG 15th 1988

I, THE UNDER SIGNED: KHÔI XUÂN HUỖNH
BORN IN: 1955 LONG-THÀNH TÂY-NINH SOUTH VIET-NAM.
NATIONALITY: VIET-NAMESE
OCCUPATION: FARMER
DATE OF AR VN ENLISTING: NOV, 25th 1974 MIL SER #...292
RANK: OFFICER STUDENT
FUNCTION: OFFICER STUDENT 10th SESSION OF NATIONAL POLICE
CURRENT ADDRESS: M133/7 KHỐI II HÒA-THÀNH TÂY-NINH INSTITUTE
SOUTH VIET NAM.

SPECIAL CASE:

NAME OF MY FATHER: CÔN XUÂN HUỖNH SN. 28/238.199

RANK: CAPTAIN

FUNCTION: BATTALION COMMANDER

UNIT: TÂY NINH MILITARY SECTION

DATE OF BIRTH: 1928

PLACE OF BIRTH: LONG-XUYỀN

DATE OF DEATH: DEC, 19th 1976 TRẢNG LỚN REEDUCATION
CENTER TÂY-NINH (PROV) KILLED

ODP No. 824 AUG, 20, 1982 (THAI LAND)

RELATIVES IN ACCOMPANY:

No.	FULL NAME	D/PO BIRTH	SEX	RELATIONSHIP
1/	ĐẶNG THỊ PHAN	1928 LONG-XUYỀN	FEMALE	MOTHER
2/	NEM XUÂN THỊ HUỖNH	1957 TÂY-NINH	FEMALE	SISTER
3/	MỬU XUÂN HUỖNH	1963 TÂY-NINH	MALE	BROTHER
4/	LỘC XUÂN HUỖNH	1967 TÂY-NINH	MALE	BROTHER
5/	LÝ MINH THỊ HUỖNH	1979 TÂY-NINH	FEMALE	NIECE
6/	HÀ THỊ ĐOÀN	1958 TÂY-NINH	FEMALE	WIFE
7/	ĐÌNH QUANG HUỖNH	1979 TÂY-NINH	MALE	SON
8/	THÔNG MINH HUỖNH	1982 TÂY-NINH	MALE	SON

TO: NATIONAL OFFICE DIRECTOR
MIGRATION AND REFUGEE SERVICE
1312 MASS AVENUE N.W.
WASHINGTON D.C 20005
202/659 - 6625 - TELEX 710820 - 1164
ATTIMES U.S.A.

I, THE UNDER SIGNED.,

NAME: HUYNH XUÂN KHÔI

DATE/PLACE OF BIRTH 1955 IN LONG-HANH TAY-NINH
SOUTH VIET-NAM.

RANK: OFFICE STUDENT 10TH SESSION 1974

UNIT: NATIONAL POLICE OFFICER INSTITUTE

CURRENT OCCUPATION: FARMER.

MARRIAGE STATUS: 1 MARRIED + 02 CHILDENS

ADDRESS: M133/7 KHOM II HOATHANH TAY-NINH SOUTH VIETNAME
PLEASE, COULD YOU INVESTIGATE THOROUGHLY.

THE SITUATION OF OUR FAMILY AND APPROVE TO PERMIT
US TO RESIDE IN THE US

MY FATHER: HUYNH XUÂN CÔN WAS BORN 1928
IN LONG-XUYEN CAPTAIN, BATTALION COMMANDER OF
RVNAF FROM 1966 TO 1975 SN: 28/238.199.
HE WAS KILLED IN TRĂNG LỚN REEDUCATION CENTER
(TAY-NINH PROVINCE) ON DEC, 19TH 1976.

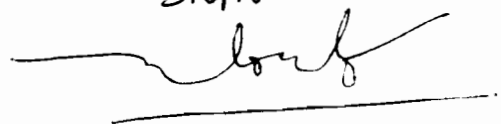
REASON OF HIS DEATH: STRUGGLE AGAINST VIET NAMESE
COMMUNIST GOVERNMENT.

WE ARE FALLEN IN A TRAGICAL STATUS AND
WE WANT TO ESTABLISH A NEW ~~7~~ LIFE IN US
BY YOUR HELP, WE ARE WAITING YOUR REPOSES

THANK YOU VERY MUCH.

SINCERY

SIGN

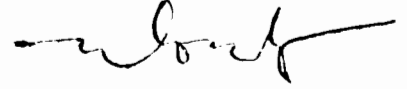


TIMES SPENT IN REEDUCATION CAMP.

FROM: MAY: 1st, 1975 TO: NOV, 20th, 1975

YOUR APPROVAL WILL BE HIGHLY
APPRECIATELY TO MY FAMILY IN FOR
WAITING YOUR RESPONSER

APPLICANT'S SIGNATURE



KHÔI XUÂN HUYNH

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM **TÂY-NINH**
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Long-thành
(Extrait du registre des actes de naissance)

Tây-ninh (NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1957
(Année)

SỐ HIỆU 476
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Cước-vấn-tất : (Vu số : 405-ND), Tòa HGRQ. Tâyninh xử về việc hộ trong phiên nhậm công khai ngày 12-4- 1966, đã lên bản án như sau :
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Chứng nhận : Huỳnh-xuân-Côn và Phan-thị-Đặng nhìn Huỳnh-thị-xuân-Nem là
Sanh ngày nào (Date de naissance)	con. Phán rằng : HUỖNH-THỊ XUÂN-NEM, nữ, sanh năm 1957, tại xã Long-thành (Tây- ninh), là con của Huỳnh-xuân-Côn và
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Phan-thị-Đặng.
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Phán rằng : cho phép chính thức hóa trẻ nay.
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Phán rằng : án này thế vì khai sanh cho đương sự.
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Cước y, theo án Tâyninh, ngày 12-6-1967
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Chánh Lục-sự Ký tên
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

TÂY-NINH, ngày 22-8-1974

KT. CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)



Uch

Giá tiền : 15\$
(Coût)
Biên-lai số : 3502-ks
(Quittance No)

NGUYỄN-THỊ-QUANH
Lục-Sự Các Tòa-Án

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM **TÂY-NINH**
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Long-thành

Tây-ninh

(NAM PHẦN)
(Sứ Việt-Nam)

NĂM 1963
(Année)

SỐ HIỆU 476
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	<u>Cước-văn-Tất :</u> (Vụ số : 405-ND) Toà HGRQ, Tây-ninh xử về việc hộ trong phiên nhậm công khai ngày 19-4- 1966, đã lên bản án như sau :
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Chứng nhận : Huỳnh-xuân-Côn và Phan-thị-Đặng nhìn Huỳnh-xuân-Mưu là con.
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Phan rằng : HUỖNH-XUÂN-MUỖU, nam, sinh năm 1963, tại xã Long-thành (Tây- ninh), là con của Huỳnh-xuân-Côn và Phan-thị-Đặng.
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Phan rằng : cho phép chính thức hóa trẻ này.
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Phan rằng : án này thế vì khai sanh cho dương sự.
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Cước y theo án Tây-ninh, ngày 12-6-1967
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Chánh Lục-sự kỳ-ran
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

TÂY-NINH, ngày 22-8-1974
KT. CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)

Giá tiền : 15\$
(Coût)

Biên-lai số : 3502-ks
(Quittance No)



NGUYỄN-THỊ-DANH
Lục-Sự Tòa Sơ-Phẩm

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT2/P3

Xã, Thị trấn

Thị xã, Quận

Thành phố, Tỉnh

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢN SAO

GIẤY KHAI SANH

Số 488

Quyển số 02

Họ và tên	HUYNH-QUANG-DINH		Nam, Nữ <u>nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	ngày hai mươi hai, tháng chín năm một nghìn bảy trăm chín mươi chín (22/09/1999)		
Nơi sinh	Xã Bảo-Sanh, Huyện-Cái		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	Kiến Xuân Khỏe 1955	Đoàn Thị Hòa 1958	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Nhật - Nam	Nhật - Nam	
Nghề nghiệp	Làm ruộng	Làm ruộng	
Nơi ĐKKK thường trú	9133/8 Khóm II	328/8 Khóm I	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc C.N.C.C. của người đứng khai.	Đoàn Thị Hòa sinh năm 1958 ngụ 323/8 Khóm I Chi trấn Hòa Chánh Kính - Tây - Ninh Chứng minh nhân dân số: 990026712		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đứng ký ngày _____ tháng _____ năm _____

(K) tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ

Ngày 31 tháng 8 năm 1983

THỦ LƯU ĐÓNG DẤU ký tên đóng dấu



Nguyễn Ngọc Y

CỦA BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mã số HT2/P3

Xã, Thị trấn Thị trấn

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Thị xã, Quận Thị trấn

Thành phố, Tỉnh Quảng Nam

GIẤY KHAI SINH

Số 204

Quyển số 4

Họ và tên	<u>HUYNH MINH THONG</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng năm	<u>12-01-1982</u> <u>meo hai, chong mot, mot agim</u> <u>chinh tuam tuam meo hai</u>		
Nơi sinh	<u>chi tuam Hoa-Chinh Tay-Ninh</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	ME	
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	<u>huynh xuan khon</u> <u>1955</u>	<u>Doan thi ha</u> <u>14-04-1958</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Viet-Kam</u>	<u>Kinh</u> <u>Viet-Kam</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNE thường trú	<u>lam ruong</u> <u>Bes/g khon I</u>	<u>tuoi tao</u> <u>Bes/g khon I</u>	
Họ tên tuổi nơi ĐKNE thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Doan thi ha</u> <u>24 tuoi</u> <u>Bes/g khon I chi tuam Hoa-Chinh</u> <u>(Quang-Ninh)</u> <u>giay chong sinh so: 290026712.</u>		

Đăng ký ngày 01 tháng 04 năm 1982

(Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TM/UBND THỊ TRẤN
TT UB

Nguyễn Ngọc Y

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường Làng Thành

Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

QĐ số 35

Huyện, Quận Đông Anh

Ngày 31.08.71

Tỉnh, Thành phố Tây Ninh

Số 85

Quyển số 01

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên Trương Xuân Khôi

Đoàn Thu Hà

Bí danh

Sinh ngày tháng 1953

11.04.1951

năm hay tuổi

Dân tộc Kinh

Kinh

Quốc tịch Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp Làm ruộng

Thợ may

Nơi đăng ký 133/7 Ấp Long An

Ấp Long An

nhân khẩu Xã Long Thành, Huyện

Xã Long Thành, Huyện

thường trú Đông Anh (Tây Ninh)

Đông Anh (Tây Ninh)

Số giấy chứng minh nhân dân: 390.32.298

290026712

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày 18 tháng 09 năm 1971

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. U.B.N.D.

Xã Long Thành

TA.UBND

Xã

ỦY-VIÊN: THƯƠNG-TRỰC



Trương Xuân Khôi Đoàn Thu Hà

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH PHỐ

HẬU-NGHĨA

Quận ĐỐC-HÒA

Xã HỮU-THẠNH

Số hộ: 11

HỒ-SƠ QUÂN-NHÂN

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THƯ

Tên, họ người chồng HUỖNH-XUÂN-CÔNG

nghề-nghiệp Lâm-mướn

sinh ngày / tháng / năm 1928,

tại Tân-Phủ.

cư-sở tại Xã Long-Thành, Quận Phú-Khương Tây-Ninh.

tạm-trú tại Ấp Long-Hoa.

Tên, họ cha chồng Huỳnh-thế-Lâm sống 56 tuổi.

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng Nguyễn thị Lỗi sống 54 tuổi.

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ PHAN-THỊ-ĐÌNH

Nghề-nghiệp Nội-trợ.

sinh ngày / tháng / năm 1928,

tại Tân-Phủ

cư-sở tại Xã Long-Thành, Quận Phú-Khương Tây-Ninh.

tạm-trú tại Ấp Long-Hoa

Tên, họ cha vợ Phan văn Nhuận (chết)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ Nguyễn thị Chàng 55 tuổi.

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới Mùng hai, tháng mười một, năm một nghìn chín trăm sáu mươi ba.

— Vợ chồng có khai hay không lập hôn-kế

ngày / tháng / năm /

tại /

CHỨNG THỰC

Chủ lý dân của nhân viên

Đoàn binh Định Xã Hựu Thạnh

Hậu Nghĩa ngày 26 tháng 4 năm 1967



(Trích y bản chính)

Hữu Thạnh
chủ tịch UBND xã
26 tháng 4 năm 1967



THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chuyển đến _____	Chuyển đến _____
Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Ký tên đóng dấu	Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Ký tên đóng dấu
Chuyển đến _____	Chuyển đến _____
Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Ký tên đóng dấu	Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Ký tên đóng dấu
NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC	
Nội dung _____	Nội dung _____
Ngày _____ tháng _____ năm _____ Trưởng Công An	Ngày _____ tháng _____ năm _____ Trưởng Công An
Nội dung _____	Nội dung _____
Ngày _____ tháng _____ năm _____ Trưởng Công An	Ngày _____ tháng _____ năm _____ Trưởng Công An

Mẫu số N K 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự Do — Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số: 1546 CN

Họ và Tên chủ hộ: Phan Chi Đăng
Số nhà: 133/7 Ấp: Khim II
Đường phố: _____
Phường: Chi Lăng
Huyện, Thị: Hải Thành
Tỉnh **TÂY NINH**

Ngày 25 tháng 9 năm 1986

Trưởng Công An
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Phan Chi Đăng

NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự 1	HỌ và TÊN Tên thường gọi 2	Ngày / tháng / năm sinh 3	Nam Nữ 4	Quan Hệ với chủ hộ 5	Nghề Nghiệp và nơi làm việc 6	Số CM hoặc CNCC 7	Ngày, tháng, năm đăng ký nhân khẩu thường trú 8	Ngày, tháng, năm và nơi chuyển đi 9	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an 10
1	Phan Chu Lăng	1928	Nữ	Chủ hộ		240022713	06-11-76		
2	Nguyễn Xuân Khôi	1955	Nam	Con			06-10-76		
3	Nguyễn Thị Xuân Nem	1957	Nữ	Con		240022719	06-10-76		
4	Nguyễn Xuân Minh	1967	Nam	Con		250372710	06-10-76		
5	Nguyễn Thị Minh Lý	1979	Nữ				06-5-82		

Anh I



Người trở nên rỗng rỗng
Tay cầm chiếc thước kẻ của tôi.

Người bạn Hoa Kỳ của tôi:

Tên là Fen. Sư đoàn I không
Quân Hoa Kỳ đóng tại Suối Đá
Tây Ninh trong những năm 1968
1970.

Art. II



Aziz III





Huỳnh Xuân
Côn
Chà Tở

NEM XUÂN THỊ
HUỠNH

ĐĂNG THỊ
PHAN

MỬU XUÂN
HUỠNH

LỘC XUÂN
HUỠNH



LÝ MINH THÌ
HUYNH

Đón thi
Hết
1958

Đinh
@xwT²₁₂

Chiều Ánh

Huyền Minh Thông

Nhà T²

Huyền Xuân Kh²

C O N T R O L

_____ Card
_____ ☒ Doc.Request; Form 19.5.89 .
_____ Release Order
_____ Computer
_____ Form "D"
_____ ODP/Date _____
_____ Membership; Letter